Vikki Digital Bank Securities

BÁO CÁO VĨ MÔ

Tổng quan kinh tế - tài chính Việt Nam và thế giới

THÁNG 10-2026



Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: nghiamt@vikkibanks.vn

Địa chỉ: Số 62-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh

Website: www.vikkibanks.vn

Hotline: (028) 7100 0008

Vikki Digital Bank Securities

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

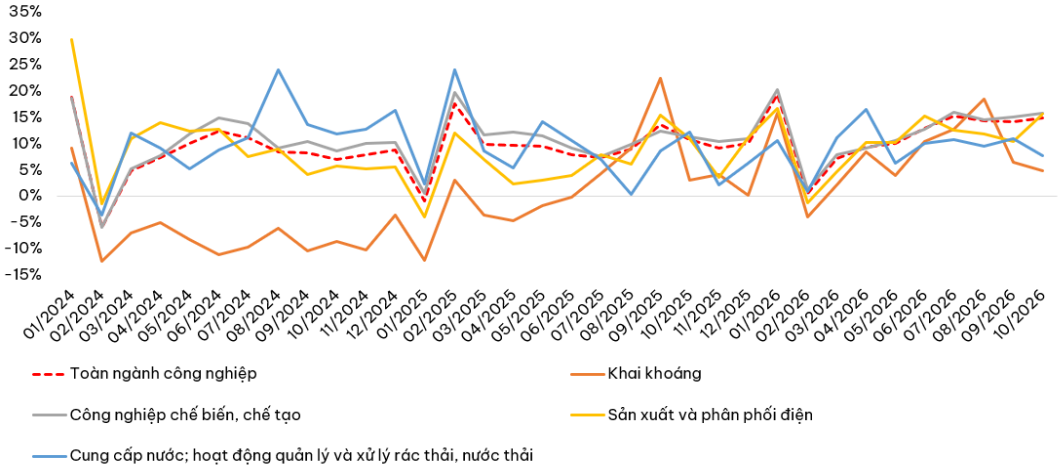
TÓM TẮT SỰ KIỆN

Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	Hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng cao	IIP tháng 10 tăng 15,0% YoY; lũy kế 10 tháng tăng 12,4% YoY, cao nhất cùng kỳ giai đoạn 2019–2026. PMI sản xuất đạt 52,3 điểm, tăng từ 51,9 điểm trong tháng 9, cho thấy khu vực sản xuất tiếp tục mở rộng dù chi phí đầu vào tăng.	Tích cực
	FDI đăng ký tăng mạnh	Vốn FDI đăng ký lũy kế 10 tháng đạt 54,85 tỷ USD (+74,0% YoY), cao nhất từ năm 2009; vốn thực hiện đạt 24,08 tỷ USD (+13% YoY). Dòng vốn đầu tư tiếp tục hỗ trợ triển vọng sản xuất, việc làm và phát triển hạ tầng công nghiệp.	Tích cực
	Áp lực lạm phát gia tăng	CPI tháng 10 tăng 0,20% MoM và 5,09% YoY; CPI bình quân 10 tháng tăng 4,57% YoY, vượt mức mục tiêu khoảng 4,5%. Áp lực giá cả thu hẹp dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ và đặt ra thách thức đối với mặt bằng lãi suất.	Tiêu cực
	Việt Nam ký kết FTA với EFTA	Ngày 18/10, Việt Nam ký Hiệp định Thương mại tự do với EFTA gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein. Hiệp định mở ra cơ hội đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thu hút FDI chất lượng cao và mở rộng hợp tác thương mại; hiện chưa có hiệu lực.	Tích cực
	Giảm thuế xăng và giá điện	Ngày 31/10, Chính phủ quyết định giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng về 0% từ 01/11/2026 đến 31/03/2027. EVN đồng thời công bố giảm 2% giá điện bán lẻ bình quân, xuống 2.159,90 đồng/kWh từ 01/11. Các biện pháp góp phần giảm áp lực chi phí và lạm phát.	Tích cực
Vĩ mô thế giới	Fed duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt	Ngày 28/10, Fed giữ nguyên biên độ lãi suất điều hành 3,75–4,00%, với kết quả biểu quyết 10–2. Lạm phát duy trì cao khiến triển vọng nới lỏng chính sách chưa rõ ràng, tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn và dòng tiền tại các thị trường mới nổi.	Tiêu cực
	IMF cảnh báo triển vọng tăng trưởng toàn cầu	Trong báo cáo WEO công bố ngày 13/10, IMF dự báo GDP toàn cầu tăng 3,1% năm 2026 và 3,4% năm 2027; lạm phát toàn cầu năm 2026 khoảng 4,7%. Xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại và rủi ro tài khóa tiếp tục đe dọa triển vọng phục hồi.	Trung lập
	Sàn Binance gặp sự cố an ninh nghiêm trọng	Ngày 29/10, Binance ghi nhận cuộc tấn công mạng ảnh hưởng khoảng 6,34 tỷ USD tài sản số, trong đó khoảng 2,85 tỷ USD đã được phong tỏa hoặc ngăn chặn theo cập nhật ngày 03/11. Sự kiện làm gia tăng lo ngại về rủi ro an ninh và tâm lý né tránh tài sản rủi ro.	Tiêu cực

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

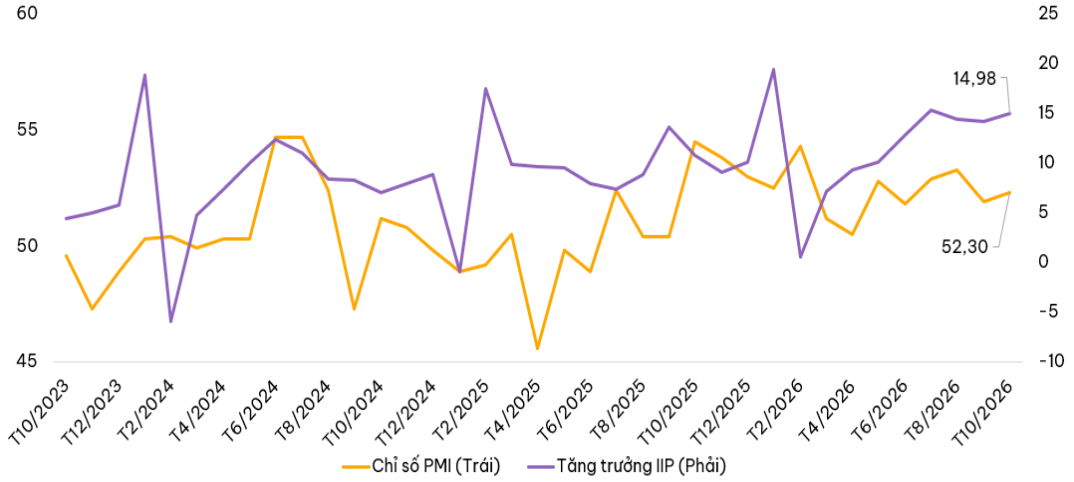
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm

Chỉ tiêu	Tăng trưởng Tháng 9 năm 2026 (YoY)	Tăng trưởng Tháng 10 năm 2026 (YoY)	Tăng trưởng 10 tháng đầu năm 2026 (YoY)
Sản xuất kim loại	20,89%	27,29%	25,63%
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	-2,82%	-1,57%	8,46%
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	12,54%	12,84%	8,24%
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	8,26%	10,24%	11,79%
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	40,91%	47,68%	30,64%
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	18,21%	21,02%	13,58%
Sản xuất đồ uống	20,84%	21,42%	17,47%
Sản xuất, chế biến thực phẩm	17,03%	17,86%	12,90%
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	19,77%	18,61%	15,15%
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	2,06%	1,22%	9,08%
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	12,95%	12,83%	12,49%
Dệt	13,20%	17,06%	10,70%
Sản xuất thiết bị điện	4,66%	10,12%	5,89%
Sản xuất phương tiện vận tải khác	28,84%	14,20%	12,76%

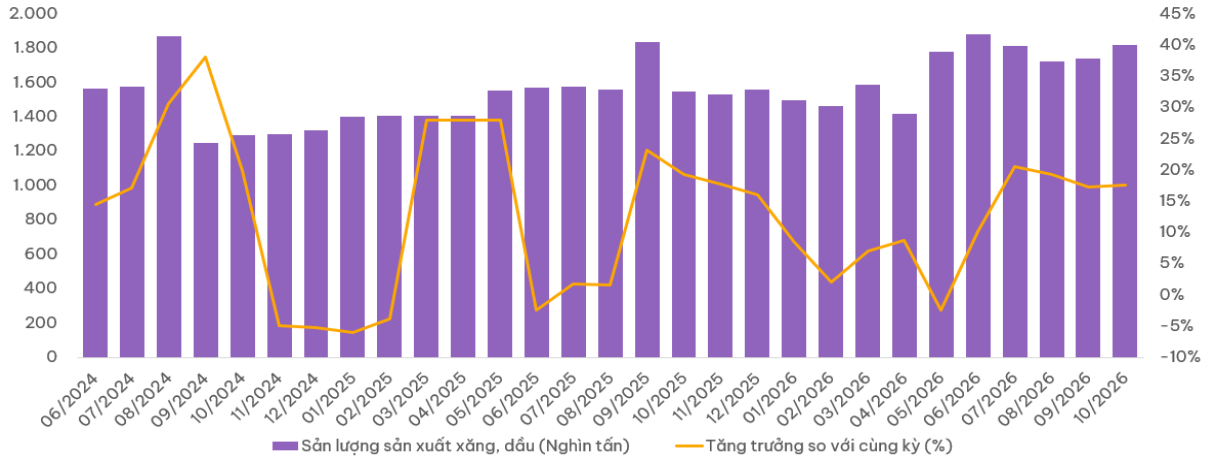
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) duy trì đà tăng trưởng 2 con số trong 6 tháng liên tiếp, IIP tháng 10/2026 ước tăng 15% YoY. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 12,4% YoY, xác lập mức tăng cao nhất trong cùng kỳ của giai đoạn 2019-2026. Trong đó, động lực tăng trưởng chính đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 13% YoY, đóng góp 10,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Theo sau là ngành khai khoáng (+7,1% YoY) & ngành sản xuất và phân phối điện (+10,6% YoY) tương ứng với mức đóng góp lần lượt là 1,1 và 1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+9,2% YoY), đóng góp 0,1 điểm phần trăm.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 10/2026 đạt 52,3 điểm, tăng 0,4 so với mức 51,9 điểm của tháng trước, khu vực sản xuất Việt Nam đang chịu áp lực lớn từ các cú sốc chi phí ngoại biên. Sự leo thang của giá dầu và vận tải quốc tế đã đẩy chi phí đầu vào tăng nhanh nhất kể từ tháng 6, kết hợp với tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng khiến thời gian giao hàng kéo dài nhất kể từ tháng 4. Những điểm nghẽn này, cùng với việc tốc độ tăng của số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm lại trong bối cảnh đơn đặt hàng xuất khẩu tiếp tục suy giảm, đặt ra thách thức lớn đối với tính bền vững của đà phục hồi nếu thiếu đi sự ổn định của môi trường thương mại toàn cầu.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

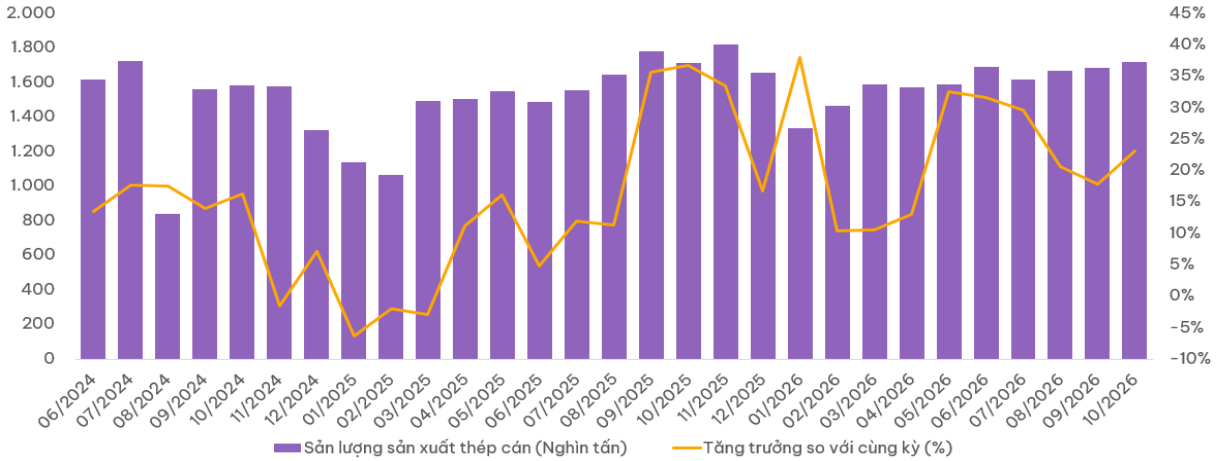
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



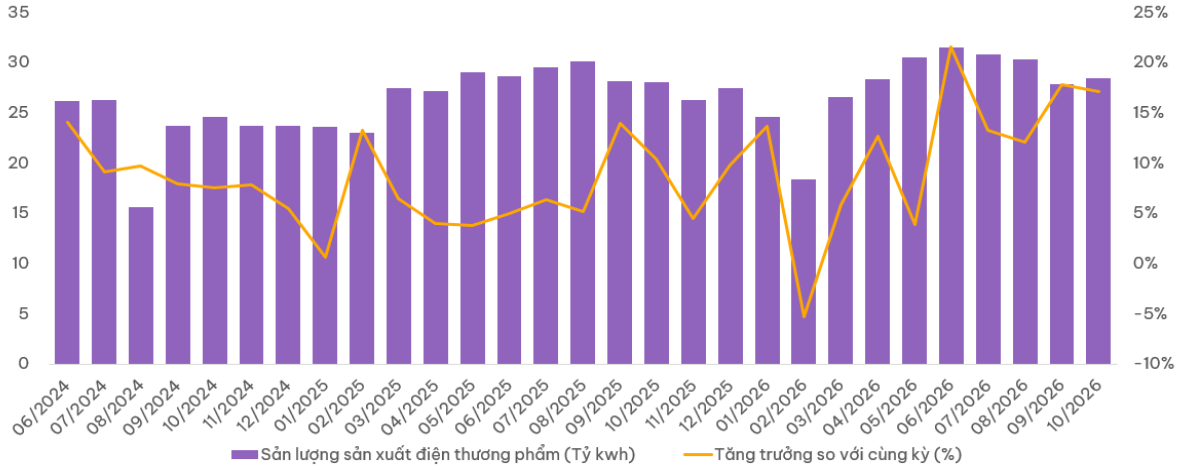
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



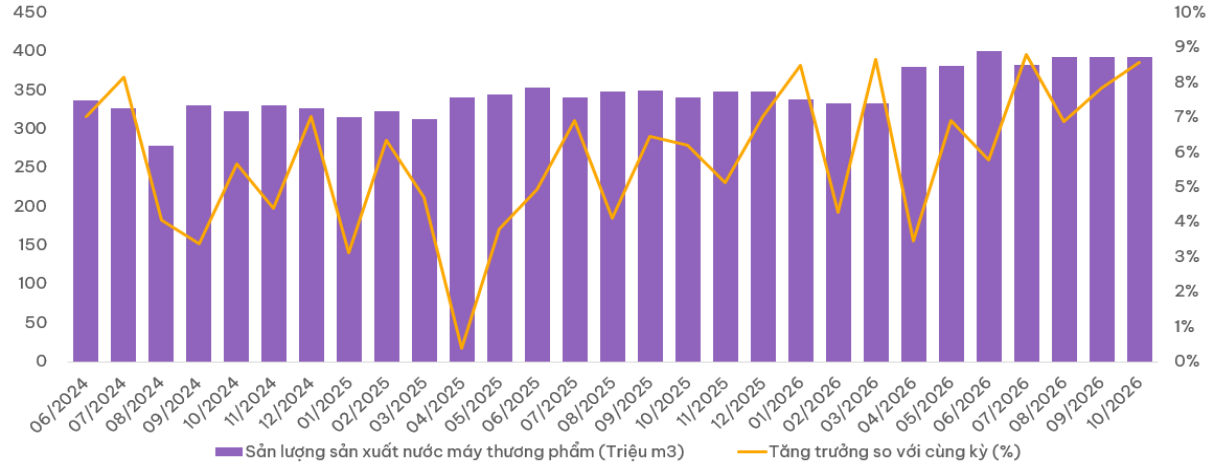
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)

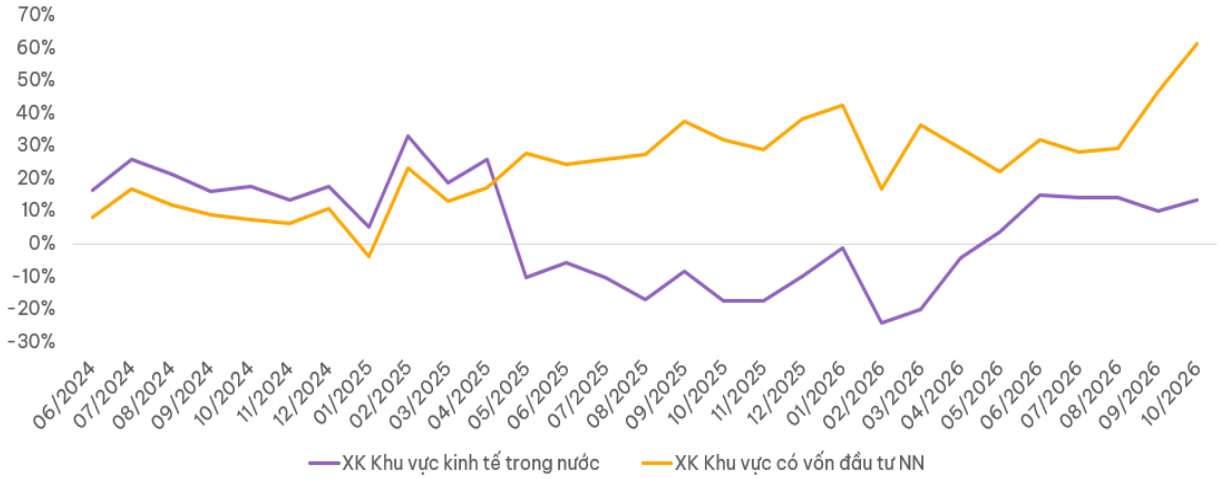


Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

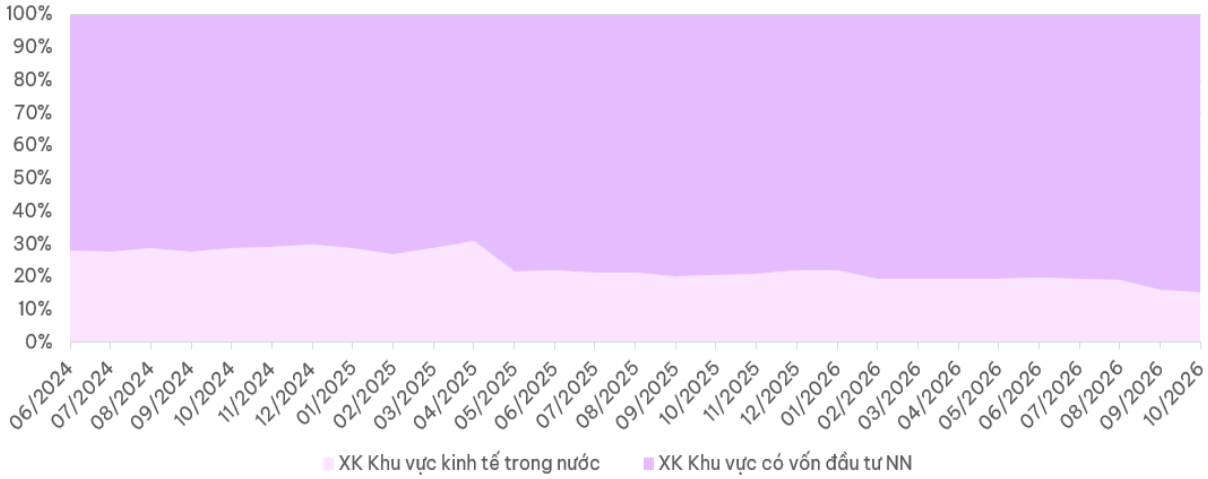
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



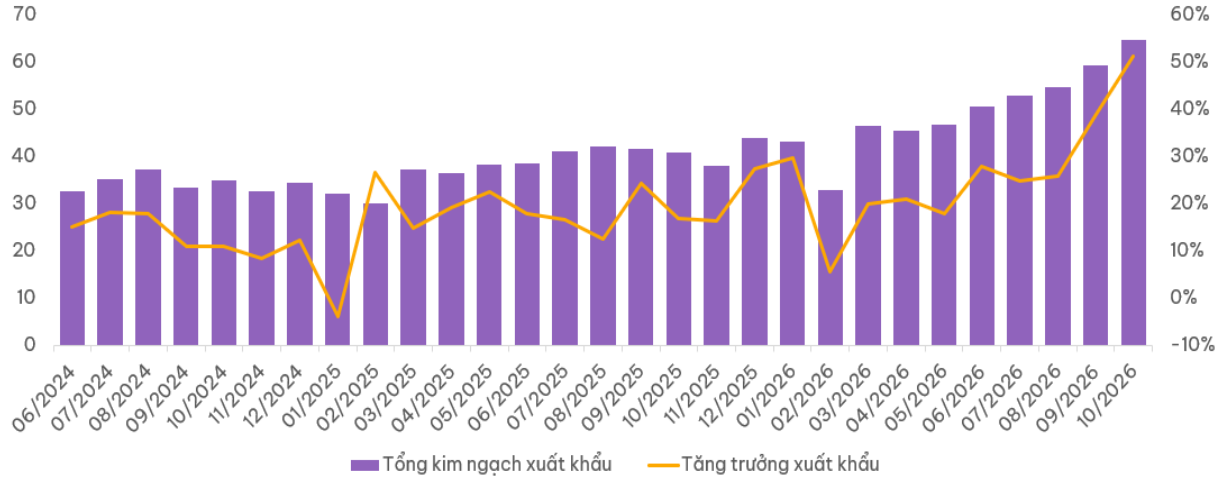
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



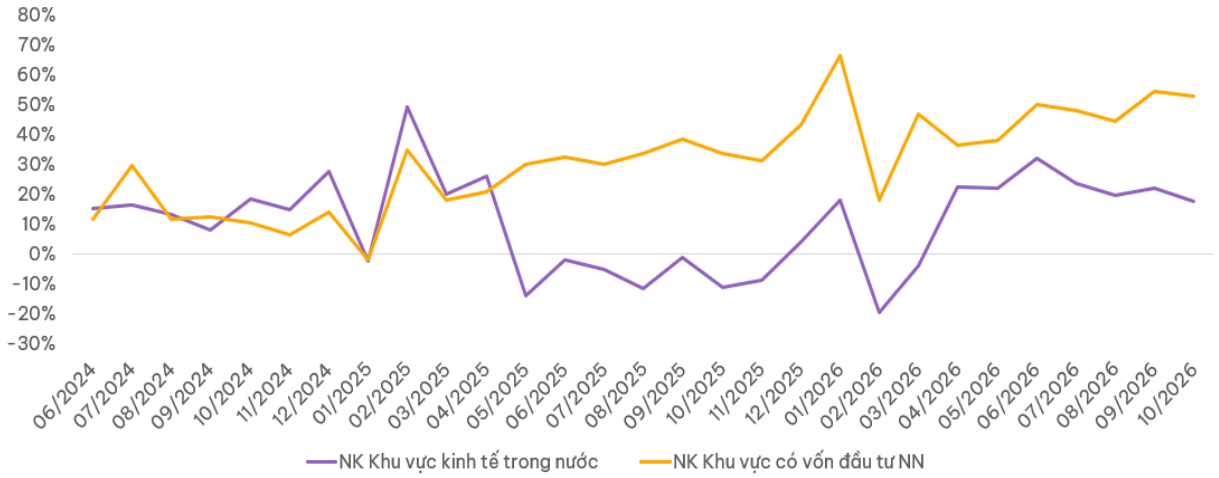
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T10/2026 ước đạt 64,7 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 51,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 13,5% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 61,2% YoY.
- Tính chung mười tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 499,24 tỷ USD, tăng 27,5% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+71% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+30,4% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+18,4% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 33% với giá trị xuất khẩu đạt 405,31 tỷ USD – chiếm 81,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 8,2% với giá trị xuất khẩu đạt 93,93 tỷ USD – chiếm 18,8% tổng kim ngạch.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

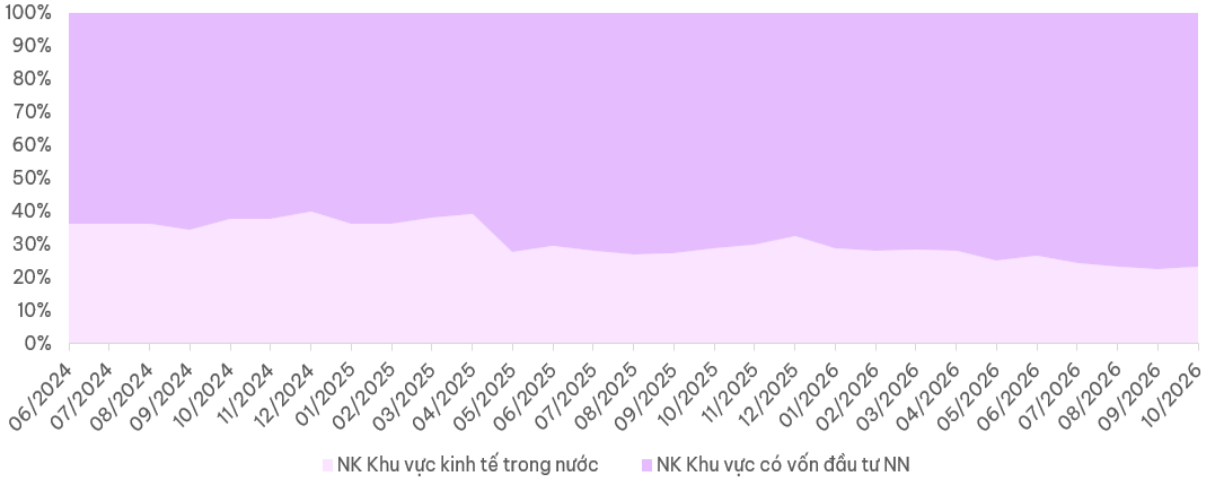
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



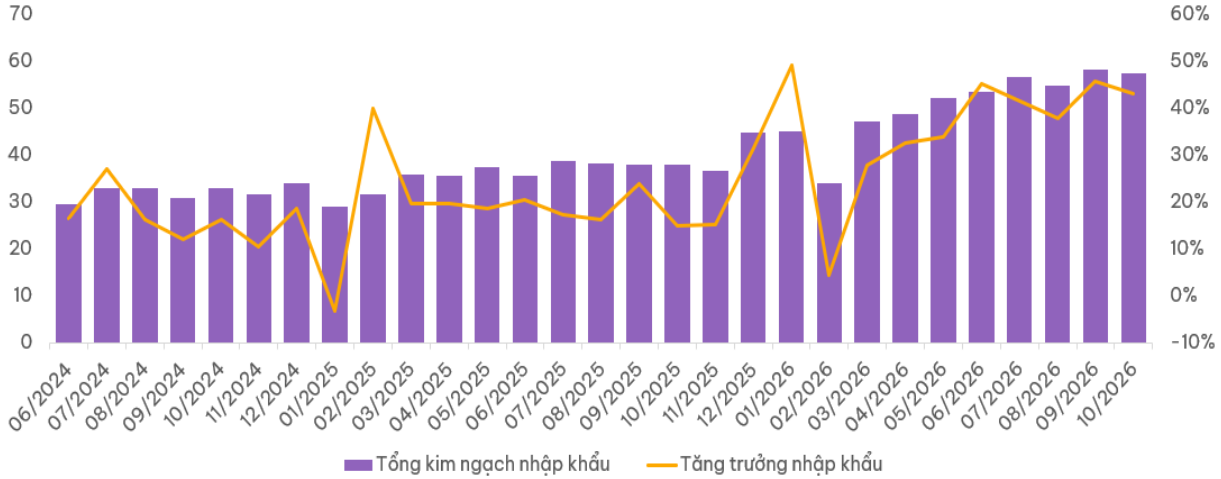
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



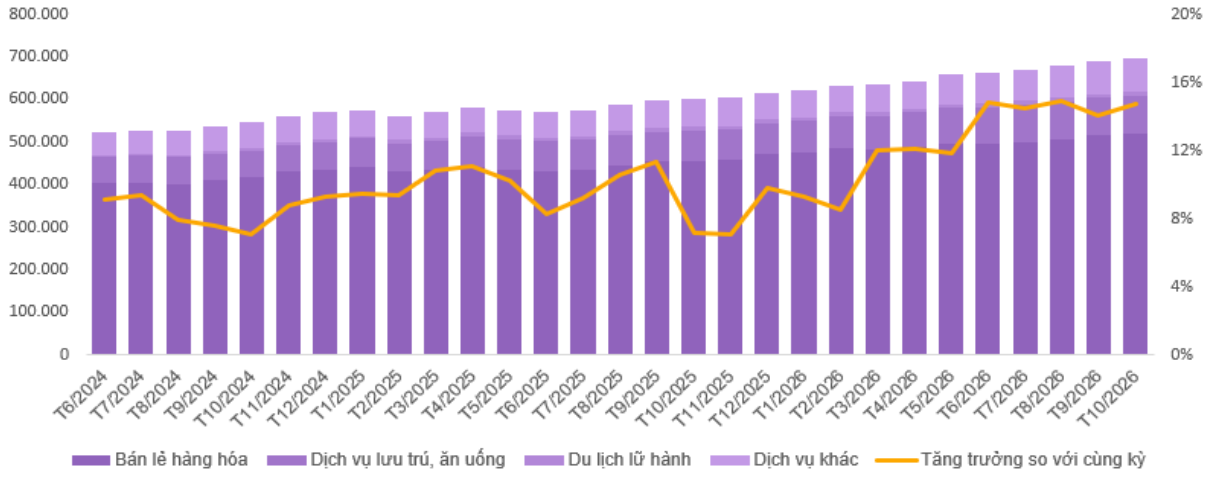
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T10/2026 ước đạt 57,36 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 43,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 17,6% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 53,2% YoY.
- Tính chung mười tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 511,31 tỷ USD, tăng 37,4% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+74,4% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+21,1% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 43,2% với giá trị nhập khẩu đạt 379,55 tỷ USD – chiếm 74,2% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 23% với giá trị nhập khẩu đạt 131,76 tỷ USD – chiếm 25,8% tổng kim ngạch.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

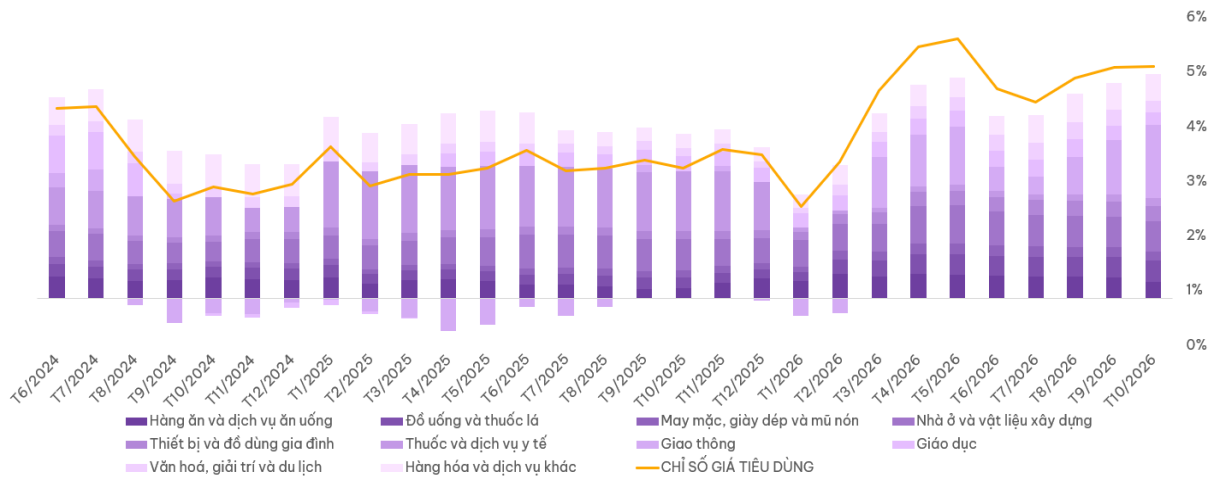
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Mười năm 2026 ước đạt 695,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa của hầu hết các nhóm hàng đều có xu hướng tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, như: Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 1,7% MoM và tăng 12,5% YoY; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 1,3% MoM và tăng 13,5% YoY; hàng may mặc tăng 1,1% MoM và tăng 12,6% YoY; ô tô các loại tăng 1,1% MoM và tăng 2,5% YoY; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 1% MoM và tăng 25,3% YoY. Một số nhóm hàng có diễn biến trái chiều giữa hai kỳ so sánh, như đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 0,6% MoM nhưng giảm 3,1% YoY; vật phẩm văn hóa, giáo dục giảm 1,9% MoM nhưng tăng 18,3% YoY.
- Tính chung mười tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.618,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, sau khi loại trừ yếu tố giá tăng 7,7% (năm 2025 tăng 7,4%).
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa mười tháng năm 2026 ước đạt 4.981,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,3% tổng mức và tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 23,6%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 19,4%; hàng hóa khác tăng 18,4%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 18,1%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa mười tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Đà Nẵng tăng 14,0%; Quảng Ninh tăng 13,5%; Lâm Đồng tăng 13,4%; Hải Phòng tăng 13,3%; Đồng Nai tăng 12,8%; Hà Nội tăng 12,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,3%.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2026 tăng 0,2% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng Mười tăng 4,41% so với tháng 12/2025 và tăng 5,09% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,57% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,24%. Trong mức tăng 0,2% của CPI tháng 10/2026 so với tháng trước có 04 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 07 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng.

+ Cụ thể, bảy nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số tăng như sau:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,04%, chủ yếu do giá gas tăng 10,35%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,63%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,40%. Ở chiều ngược lại, giá thuê nhà giảm 0,22%; điện sinh hoạt giảm 1,99% và nước sinh hoạt giảm 0,09% do thời tiết chuyển mát làm giảm nhu cầu sử dụng điện, nước của các hộ gia đình.
- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,17%, chủ yếu do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành sứ tăng 0,58%; dịch vụ sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 0,56%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,51%; xà phòng, chất tẩy rửa tăng 0,29%. Ở chiều ngược lại, giá máy hút bụi giảm 0,85% so với tháng trước; máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,73%; tủ lạnh giảm 0,52%.
- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,19% do chi phí nguyên liệu và vận chuyển ở mức cao. Trong đó, giá nước giải khát có ga tăng 0,49%; thuốc hút tăng 0,47%; nước uống tăng lực tăng 0,25%; nước quả ép tăng 0,24%; rượu các loại tăng 0,21%; riêng giá bia các loại giảm 0,04%.
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,27%, chủ yếu do giá hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,51%; dịch vụ sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 0,77%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,28%. Ngược lại, giá đồ trang sức giảm 1,94% theo giá vàng trong nước; túi xách, va li, ví giảm 0,45%.
- Nhóm giáo dục tăng 0,31%, trong đó: Giá dịch vụ giáo dục tăng 0,33% do một số trường dân lập điều chỉnh tăng học phí năm học mới; bút viết các loại tăng 0,31%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,36%; sản phẩm từ giấy tăng 0,19%.
- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,31%, chủ yếu do giá dịch vụ y tế tăng 0,34% khi một số địa phương điều chỉnh giá và giá một số loại thuốc tăng.
- Nhóm giao thông tăng 2,66%, tác động làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá xăng tăng 6,86% và dầu diesel tăng 0,75%. Bên cạnh đó, giá nhóm phụ tùng tăng 0,49% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,26% do chi phí nhân công tăng; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,51%. Ở chiều ngược lại, giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 10,58% do nhu cầu đi lại, du lịch vào mùa thấp điểm và các hãng hàng không giảm giá vé để kích cầu; vận tải hành khách đường sắt giảm 2,39%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 1,23%; xe ô tô mới giảm 1,09%; xe máy mới giảm 0,21% do doanh nghiệp thực hiện các chương trình ưu đãi, hỗ trợ người tiêu dùng.

+ Bốn nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,87%. Trong đó: Du lịch trong nước giảm 1,27%; du lịch ngoài nước giảm 1,03%; khách sạn, nhà khách giảm 1,72%; xem phim, ca nhạc giảm 0,71%; dịch vụ chụp, in tráng ảnh tăng 0,74%; đồ chơi tăng 0,60%; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 0,51%.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

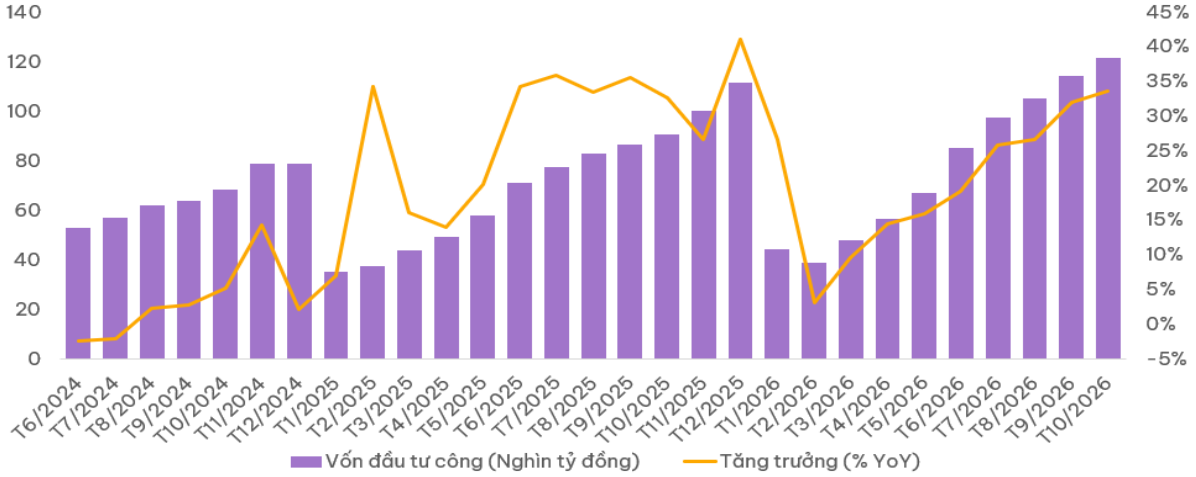
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,24%, góp phần làm CPI chung giảm 0,09 điểm phần trăm. Trong đó: Chỉ số giá nhóm lương thực giảm 0,57%, chủ yếu do giá gạo giảm 0,92% khi nguồn cung trong nước dồi dào và giá gạo xuất khẩu có xu hướng giảm nhẹ; thực phẩm giảm 0,32% chủ yếu do giá thịt lợn giảm 2,33% khi nguồn cung trong nước tăng, sức tiêu thụ còn hạn chế và thịt lợn nhập khẩu giá thấp tạo áp lực cạnh tranh; trong khi đó, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,11%
- Nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,18%. Trong đó: Giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,63%; máy in, máy chiếu, máy quét giảm 0,44%; thiết bị âm thanh giảm 0,38%; ti vi màu giảm 0,36%; dịch vụ viễn thông giảm 0,13%. Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,63%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,10%.
- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,06%, trong đó giá quần áo may sẵn giảm 0,14%; giày dép cho trẻ em giảm 0,10%; giá mũ nón tăng 0,31%.

- CPI bình quân mười tháng năm 2026 tăng 4,57% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,61%, tác động làm CPI chung tăng 1,65 điểm phần trăm; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,66%, tác động làm CPI chung tăng 1,51 điểm phần trăm; nhóm giao thông tăng 6,98%, tác động làm CPI chung tăng 0,70 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 13,09%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng, gồm: hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,72%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,80%; giáo dục tăng 3,29%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,88%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,75%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,04%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,19%; thông tin và truyền thông tăng 0,12%.
- Lạm phát cơ bản tháng 10/2026 giảm 0,05% so với tháng trước và tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân mười tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,57% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá xăng dầu, gas, lương thực, thực phẩm tươi sống, dịch vụ y tế biến động làm CPI chung tăng, trong khi các nhóm này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

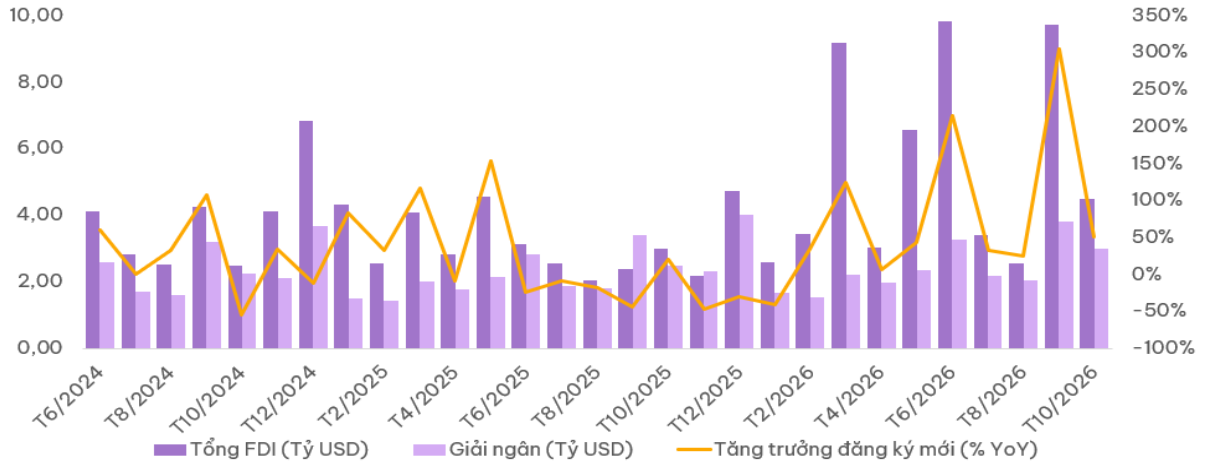
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



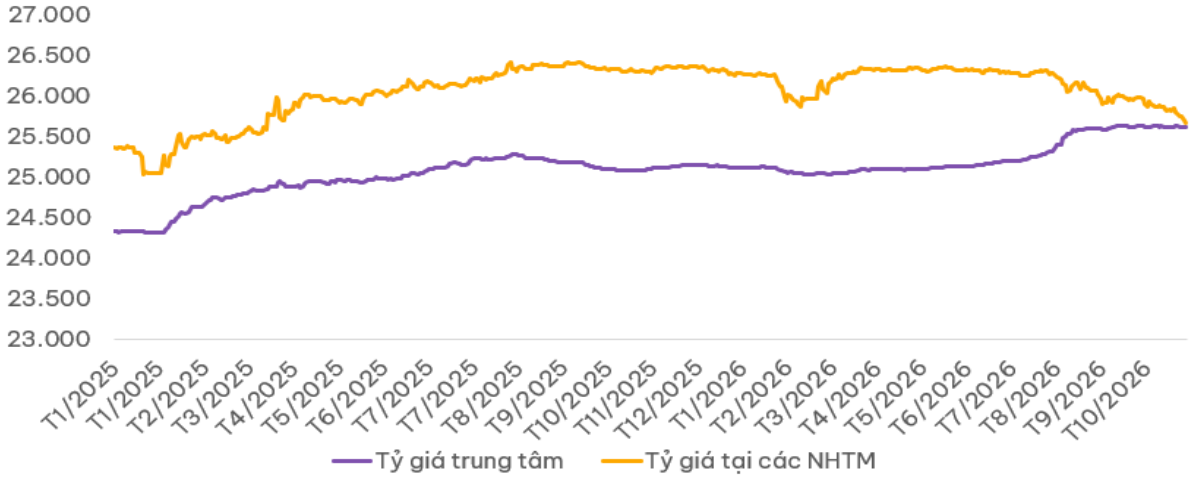
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng Mười ước đạt 121,6 nghìn tỷ đồng, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 17,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8%; vốn địa phương quản lý đạt 104,3 nghìn tỷ đồng, tăng 28,6%. Tính chung mười tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 783,9 nghìn tỷ đồng, bằng 69,0% kế hoạch năm và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 64,3% và tăng 30,7%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/10/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 54,85 tỷ USD, tăng 74,0% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất từ năm 2009 đến nay. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 3.478 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 30,73 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2,2 lần về số vốn đăng ký. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về thu hút vốn đăng ký cấp mới với 14,61 tỷ USD, chiếm 47,5% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là ngành vận tải kho bãi đạt 5,15 tỷ USD, chiếm 16,7%; các ngành còn lại đạt 10,98 tỷ USD, chiếm 35,8%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam mười tháng năm 2026 ước đạt 24,08 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong cùng kỳ mười tháng của 5 năm qua. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 19,96 tỷ USD, chiếm 82,9% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,76 tỷ USD, chiếm 7,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 785,2 triệu USD, chiếm 3,3%.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

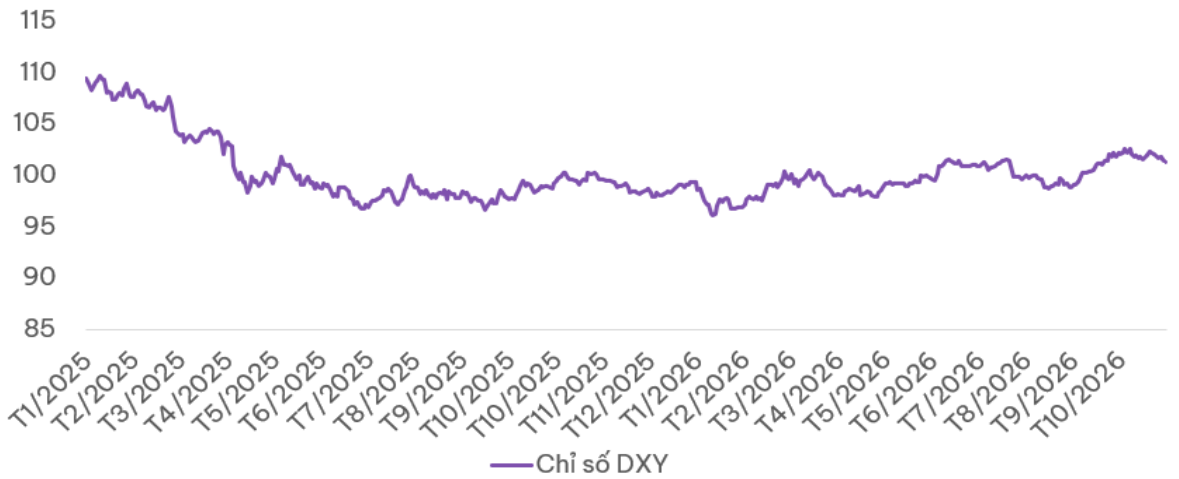
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



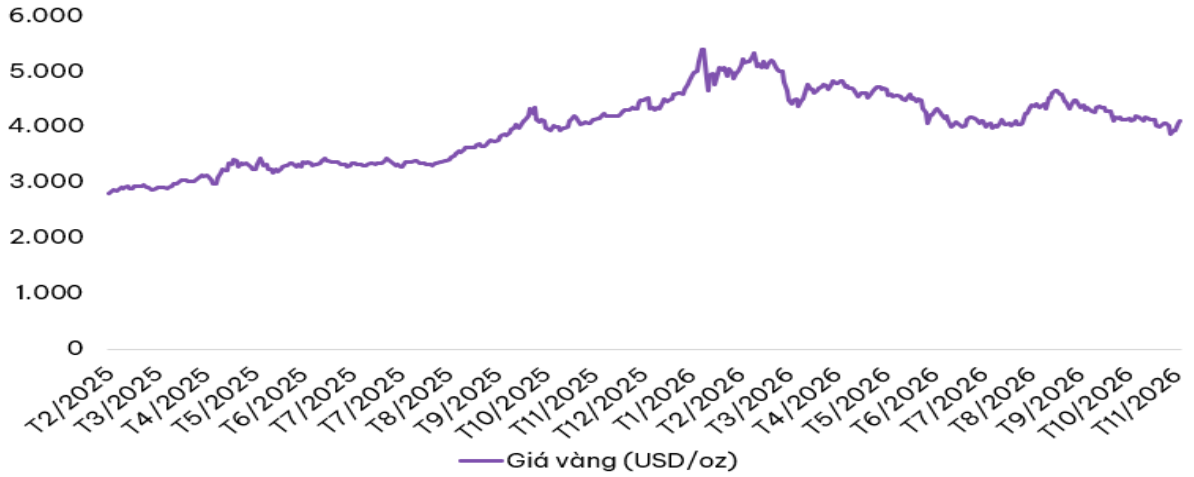
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



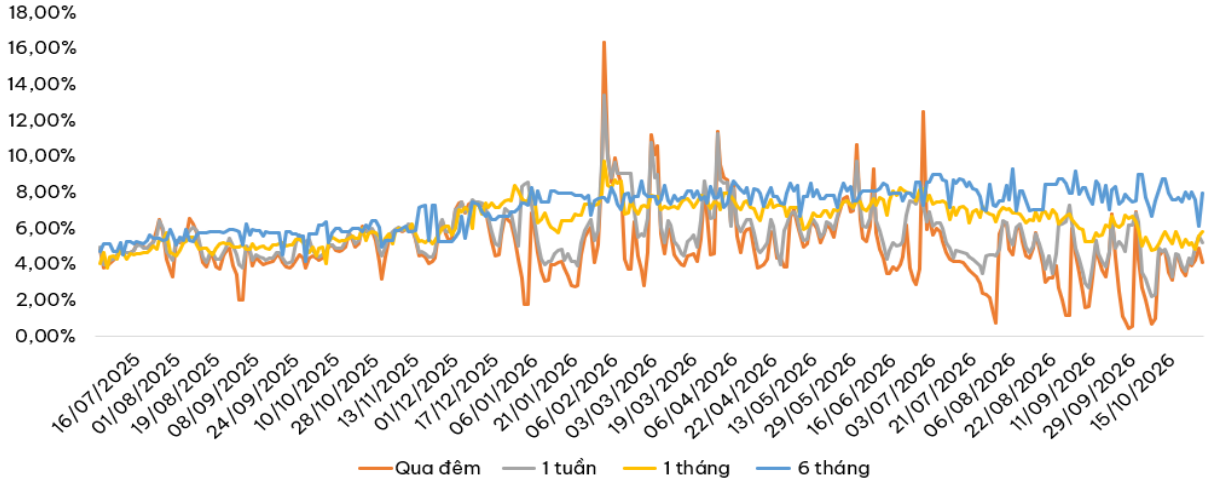
Nguồn: VikkiBankS Research

- Tính đến ngày 28/10/2026, chỉ số DXY đạt mức 101,88 điểm, tăng 2,39 điểm so với tháng Chín, trong bối cảnh kỳ vọng Fed duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ ở mức cao. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Mười giảm 0,26% MoM; giảm 1,26% YoY; giảm 1,32% so với tháng 12/2025, chủ yếu do nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào và chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Bình quân giá vàng thế giới tháng Mười (tính đến ngày 28/10/2026) ở mức 4.137,85 USD/ounce, giảm 6,69% so với tháng trước, chủ yếu do đồng USD mạnh lên, lợi suất trái phiếu Mỹ duy trì ở mức cao, thị trường gia tăng kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát cùng với áp lực bán chốt lời của các nhà đầu tư. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Mười giảm 2,85% so với tháng trước; giảm 2,94% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 6,77% so với tháng 12/2025. Bình quân mười tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 37,28% YoY.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

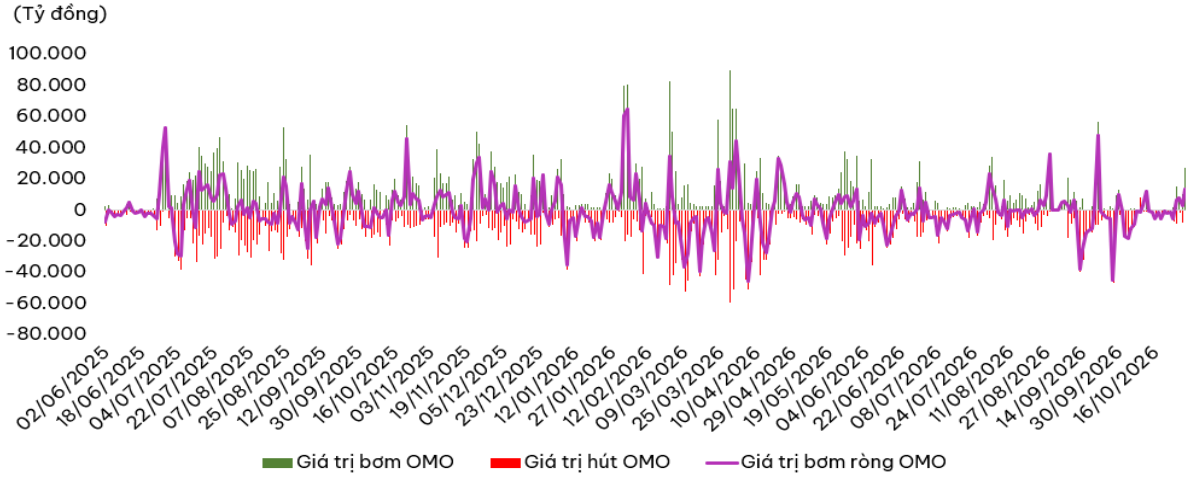
Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



Nguồn: VikkiBankS Research

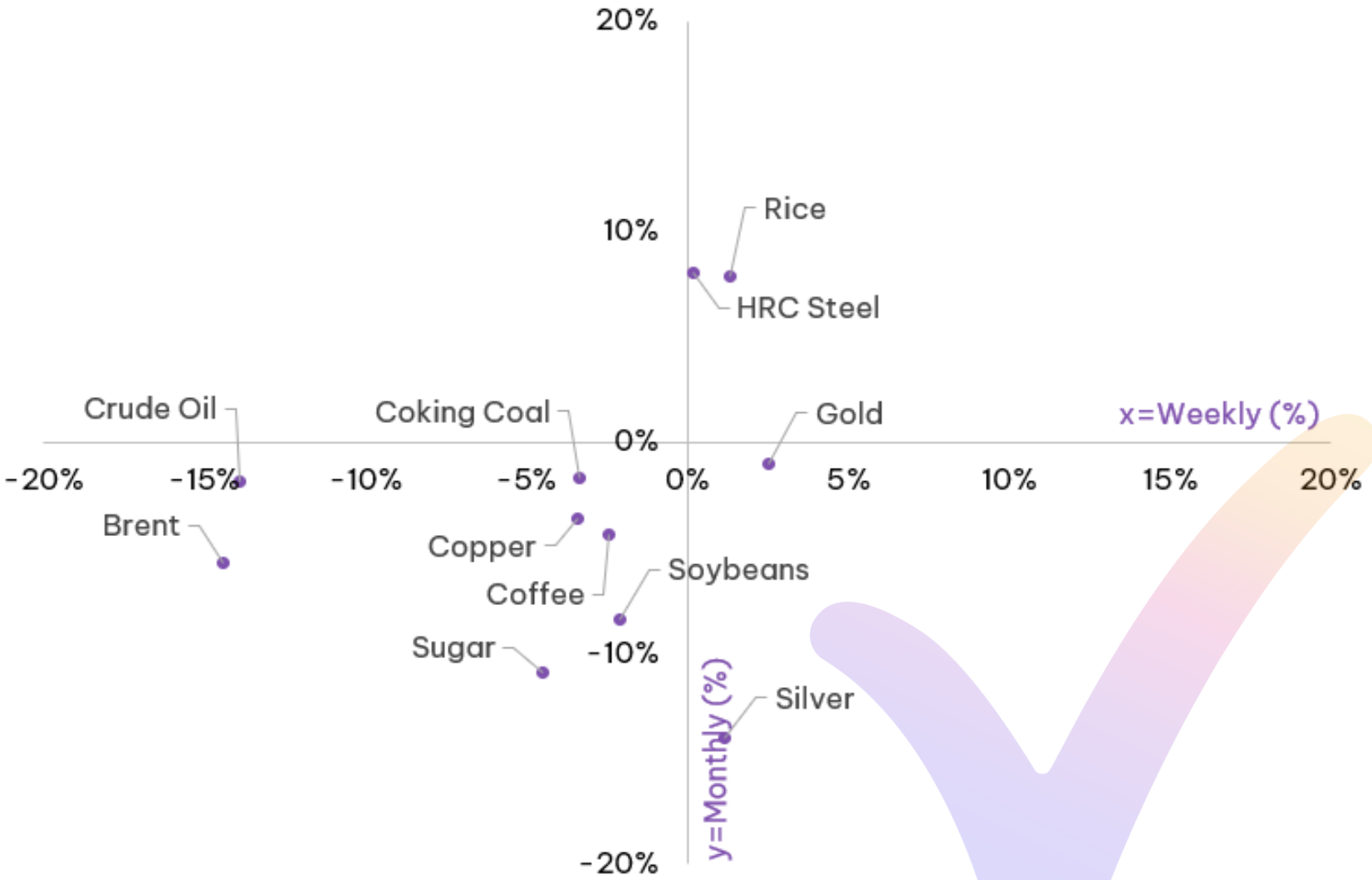
- Trong tháng 10/2026, lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh, giảm sâu trong tuần đầu tháng trước khi phục hồi trở lại từ giữa tháng. Cụ thể, lãi suất qua đêm giảm từ 4,29% ngày 1/10 xuống mức thấp nhất 0,72% ngày 7/10, sau đó tăng trở lại và đạt 4,10% vào ngày 28/10. Các kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần cũng phục hồi lên lần lượt 5,25% và 5,30%. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn tiếp tục duy trì mặt bằng cao, với lãi suất 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt đạt 5,85%, 7,70% và 8,00%. Diễn biến này phản ánh thanh khoản ngắn hạn có sự cải thiện nhưng chưa thực sự ổn định, trong khi áp lực cân đối nguồn vốn trung và dài hạn vẫn hiện hữu. Đáng chú ý, tăng trưởng tín dụng đạt 11,59% so với đầu năm vào cuối tháng 9 và vẫn ở mức 16,73% YoY tại ngày 14/10, cho thấy nhu cầu vốn của nền kinh tế tiếp tục duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, CPI tháng 10 tăng 5,09% YoY và Fed duy trì lãi suất điều hành ở mức 3,75–4,00% trong cuộc họp ngày 28/10, khi lạm phát vẫn neo cao, tiếp tục đặt ra những thách thức đối với dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ.
- Trong tháng 10/2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở (OMO) linh hoạt, luân phiên giữa hút và bơm thanh khoản nhằm ổn định mặt bằng lãi suất liên ngân hàng. Tính chung cả tháng, NHNN hút ròng khoảng 34.428 tỷ đồng, với tổng giá trị bơm mới đạt 93.943 tỷ đồng và lượng vốn đáo hạn đạt 128.371 tỷ đồng. Động thái này cho thấy nhà điều hành ưu tiên điều tiết thanh khoản theo nhu cầu thực tế thay vì duy trì xu hướng bơm ròng liên tục. Trong bối cảnh NHNN tiếp tục yêu cầu các tổ chức tín dụng tiết giảm lãi suất huy động và cho vay, đồng thời chuẩn bị triển khai Thông tư 50/2026/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 1/12/2026 với những điều chỉnh về giới hạn LDR và các tỷ lệ an toàn thanh khoản, áp lực cân đối nguồn vốn vẫn là vấn đề cần lưu ý đối với hệ thống ngân hàng. Do đó, việc duy trì điều hành OMO linh hoạt sẽ đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ thanh khoản ngắn hạn, đồng thời hạn chế biến động lãi suất trong giai đoạn cao điểm tín dụng cuối năm.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	87,83	47,79%
Brent (USD/bbl)	94,82	49,60%
Coking Coal (USD/t)	258,50	29,25%
Gold (USD/t.oz)	4.123,78	3,69%
Silver (USD/t.oz)	52,75	9,83%
Copper (USD/lbs)	6,36	28,27%
HRC Steel (USD/t)	1.425,00	68,24%
Sugar (USD/lbs)	18,47	30,90%
Soybeans (USD/bu)	1.194,10	9,37%
Coffee (USD/lbs)	279,75	-32,36%
Rice (USD/cwt)	17,64	76,14%

Hình 23: Diễn biến nhóm hàng hóa tổng hợp



Nguồn: Tradingeconomics

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 10-2026

Thứ Sáu, 06 Tháng Mười Một 2026

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.